

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẢO LỘC
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2019/HSST
Ngày: 10-01-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẢO LỘC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

- ***Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Trần Thị Qui

- ***Các Hội thẩm nhân dân:***

1. Ông Hoàng Xuân Ty

2. Ông Cầm Văn Nam

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thị Chung - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 10 tháng 01 năm 2019, tại Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 106/2018/HSST ngày 03 tháng 12 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2018/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 12 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Chu Quang B**; sinh năm: 1986; tại: Lâm Đồng; nơi ĐKNKTT và nơi cư trú: Số X đường T, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Lớp 2/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Chu Viết X, sinh năm 1959, hiện cư trú: Số X đường T, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng và con bà: Nguyễn Thị K (đã chết); vợ, con: Chưa có.

Tiền án:

+ Tại bản án số 75/2008/HSST ngày 21/10/2008, TAND Tp.Bảo Lộc xử phạt 18 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản;

+ Tại bản án số 11/2010/HSST ngày 02/03/2010, TAND Tp.Bảo Lộc xử phạt 06 năm tù về tội Trộm cắp tài sản và Lừa đảo chiếm đoạt tài sản;

+ Tại bản án số 15/2017/HSST Ngày 02/03/2017, TAND Tp.Bảo Lộc xử phạt 15 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; Chấp hành xong hình phạt tù ngày 21/02/2018.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt và tạm giam từ ngày 30/6/2018 đến nay (có mặt).

Bị hại:

+ Bà Vũ Thị Xuân D, sinh năm 1964; nơi cư trú: Số X đường N, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng (Có mặt).

+ Chị Bùi Thị Tường V, sinh năm 1984; nơi cư trú: Số X đường L, xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Để có tiền tiêu xài cá nhân và trả nợ, trong khoảng thời gian từ tháng 4/2018 đến tháng 5/2018, Chu Quang B đã 16 lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà Vũ Thị Xuân D và chị Bùi Thị Tường V với tổng số tiền là 394.200.000 đồng. Cụ thể như sau:

Lần thứ 01: Vào một ngày tháng 4/2018, B đến nhà bà D là mẹ của Đ, tại đây B gặp chị V, B nói rằng mình tên M, là bạn tù với anh Bùi Phương Đ (con bà D) và nói dối với bà D về việc được Đ nhờ mình lấy giúp 01 xe ô tô tải đang cầm cố ở tỉnh Đồng Nai nên yêu cầu bà D đưa số tiền 5.000.000đ cho B để B làm chi phí đi tìm nơi cầm cố xe cho anh Đ, đồng thời B xin số điện thoại của bà D để liên lạc thì bà D tưởng thật nên đồng ý, rồi giao tiền cho B cùng số điện thoại.

Lần thứ 02: Ngày tiếp theo sau khi có số điện thoại của bà D đưa, B dùng sim số 0168.768.27XX của B gọi điện thoại đến số 0167.626.28XX của bà D và nói dối về việc đã tìm thấy xe của anh Đ ở tỉnh Đồng Nai. B yêu cầu bà D đưa trước số tiền 25.000.000 đồng để chuộc xe về thì bà D tưởng thật nên đồng ý và đưa tiền cho chị V đi giao cho B. Chị V sử dụng sim số 0966.744.2XX gọi cho B rồi mang số tiền nêu trên đến khu vực đường Nguyễn Gia Thiều, phường Lộc Phát, Tp.Bảo Lộc giao cho Chu Quang B.

Lần thứ 03: Ngày tiếp theo, B dùng sim số 0168.768.27XX gọi điện cho chị V và nói dối về việc quá trình chuộc xe có mâu thuẫn với nhóm của người nhận cầm cố, dẫn đến đánh nhau làm nhóm của B bị thương. B yêu cầu Chị V đưa thêm số tiền 20.000.000 đồng để trả thêm tiền chuộc xe và điều trị cho nhóm của B. Sau đó, chị V nói cho bà D biết thì cả hai tưởng thật nên bà D đồng ý đưa 20.000.000 đồng cho V mang đến hẻm số 202 Lý Thường Kiệt, phường Lộc Phát, Tp.Bảo Lộc giao cho Chu Quang B.

Lần thứ 04: Ngày tiếp theo, B sử dụng sim số 0924.475.4XX gọi điện cho chị V, đồng thời bịt mũi giả giọng nói mình là ông T – chủ tiệm trà Thiên Thành, là bố của M (tức là B). B nói dối về việc quá trình lấy xe xảy ra đánh nhau, bị công an truy bắt và yêu cầu chị V đưa số tiền 7.000.000 đồng để đi trốn. Sau đó, B sử dụng sim số 0168.768.27XX gọi cho V và hẹn V mang tiền đến Ngã tư đèn đỏ Lộc Phát. Chị V nói cho bà D biết thì cả hai tưởng thật nên bà D

đồng ý đưa 7.000.000 đồng cho V mang đến trước nhà số X đường N, phường Lộc Phát, Tp.Bảo Lộc giao cho Chu Quang B.

Lần thứ 05: Sau lần thứ 04 khoảng 02 ngày, B sử dụng sim số 0924.475.4XX gọi điện cho chị V, giả giọng ông T và yêu cầu Chị V đưa thêm số tiền 8.000.000 đồng cho M (tức là B) đi trốn. Sau đó, B dùng sim số 0168.768.27XX gọi cho chị V và hẹn V mang tiền đến ngã tư đèn đỏ Lộc Phát. Chị V thông báo cho bà D biết thì cả hai tưởng thật nên bà D đồng ý đưa 8.000.000 đồng cho V mang đến trước nhà số X đường N, phường L, Tp.Bảo Lộc giao cho Chu Quang B.

Lần thứ 06: Ngày tiếp theo, B dùng sim số 0168.768.27XX gọi điện cho chị V, nói dối về việc gặp được bạn làm ăn đang giữ vàng của anh Đ và yêu cầu V đưa số tiền 35.000.000 đồng cùng 02 viên thuốc bỏ, thì sẽ chuộc lại vàng về cho V. B nói chị V đựng tiền trong bịch nylon rồi mang đến khu vực trước cổng nghĩa địa Thanh Xá ở xã Lộc Nga, Tp.Bảo Lộc ném bên lề đường để người khác đến lấy mang vào rừng cho M (tức là B). B mượn xe mô tô nhãn hiệu Airblade, biển số 49K1-1504XX của anh Nguyễn Thành Đ1 chạy đến nghĩa địa Thanh Xá đứng từ xa đợi. Lúc này, chị V nói cho bà D biết thì cả hai tưởng thật nên bà D đồng ý đưa 35.000.000 đồng cho V mang đến ném vào lề đường phía trước cổng nghĩa địa Thanh Xá rồi bỏ đi thì Chu Quang B lấy tiền mang về.

Lần thứ 07: Sau đó khoảng 04 ngày, B sử dụng sim số 0168.768.27XX gọi điện cho chị V và nói dối về việc người giữ vàng của anh Đ đòi thêm số tiền 6.000.000 đồng mới giao vàng. B nói chị V bỏ tiền vào bịch nylon mang đến nghĩa địa Thanh Xá ở xã Lộc Nga, Tp.Bảo Lộc để như lần trước. Chị V nói cho bà D biết thì cả hai tưởng thật nên bà D đồng ý đưa 6.000.000 đồng cho V mang đến nghĩa địa Thanh Xá bỏ cạnh lề đường thì Chu Quang B đến lấy tiền mang về.

Lần thứ 08: Ngày tiếp theo, B sử dụng sim số 0168.768.27XX gọi điện cho chị V và nói dối về việc người giữ vàng của anh Đ đòi thêm số tiền 24.000.000 đồng mới giao vàng và dặn V mang tiền đến khu vực ngã tư đèn đỏ Lộc Phát. Chị V nói cho bà D biết thì cả hai tưởng thật nên bà D đồng ý đưa 24.000.000 đồng cho V mang đến trước nhà số X đường N, phường L, Tp.Bảo Lộc giao cho Chu Quang B.

Lần thứ 09: Ngày tiếp theo, B sử dụng sim số 0924.475.4XX gọi điện cho chị V, giả giọng ông T và yêu cầu chị V cho M (tức là B) mượn số tiền 67.000.000 đồng để mua xe ô tô giá rẻ của nhóm người trong rừng. Sau đó B sử dụng sim số 0168.768.27XX gọi cho chị V và nói V bỏ tiền vào bịch nylon để ở khu vực trước cổng nghĩa địa Thanh Xá ở xã Lộc Nga, Tp.Bảo Lộc. Chị V nói cho bà D biết thì cả hai tưởng thật nên bà D đồng ý đưa 67.000.000 đồng cho V

mang đến ném vào mép đường trước nghĩa địa Thanh Xá thì Chu Quang B đến lấy tiền mang về.

Lần thứ 10: Khoảng 02 ngày sau, B dùng sim số 0924.475.4XX gọi điện cho chị V, giả giọng ông T và yêu cầu V cho M (tức là B) mượn thêm số tiền 62.000.000 đồng để mua xe ô tô. Sau đó B sử dụng sim số 0168.768.27XX gọi cho chị V hẹn hôm sau đến giao tiền ở khu vực hồ Nam Phương và dặn V mua thêm bông băng, oxi già do nhóm của M mới đánh nhau trước đó. Chị V nói cho bà D biết thì cả hai tưởng thật nên bà D đồng ý đưa 62.000.000 đồng cho chị V đi giao cho B. Sáng ngày hôm sau, B mượn xe mô tô biển số 49K1-1504XX của Đ1 chạy đến khu vực đường Lý Thường Kiệt, phường Lộc Phát, Tp.Bảo Lộc, lấy từ chị V số tiền 62.000.000 đồng cùng với bông băng, kim chỉ và oxi già.

Lần thứ 11: Ngày tiếp theo, B dùng sim số 0924.475.4XX gọi điện cho chị V, giả giọng ông T và yêu cầu V cho M (tức là B) mượn thêm số tiền 25.000.000 đồng để mua xe ô tô. Sau đó B sử dụng sim số 0168.768.27XX gọi cho chị V hẹn giao tiền ở khu vực hồ Nam Phương. Chị V nói cho bà D biết thì cả hai tưởng thật nên bà D đồng ý đưa 25.000.000 đồng cho V mang đến khu vực đường Lý Thường Kiệt, phường Lộc Phát, Tp.Bảo Lộc giao cho Chu Quang B.

Lần thứ 12: Ngày tiếp theo, B sử dụng sim số 0168.768.27XX gọi điện cho chị V và nói dối về việc đang ở trong rừng, cần tiền mua một số hàng mang về Tp.Bảo Lộc bán kiếm lời. B yêu cầu chị V cho mượn số tiền 12.000.000 đồng và nói V mang đến khu vực hồ Nam Phương sẽ có người đến lấy do M (tức là B) chưa về được. Chị V nói cho bà D biết thì cả hai tưởng thật nên bà D đồng ý đưa 12.000.000 đồng cho V mang đến khu vực đường Lý Thường Kiệt, phường Lộc Phát, Tp.Bảo Lộc giao cho Chu Quang B. Lúc này, B nhờ 01 đối tượng tên S (không rõ nhân thân lai lịch) bắt xe taxi đến lấy tiền từ chị V mang về cho B. Sau đó B trả tiền taxi hết 100.000 đồng và trả công cho S số tiền 200.000 đồng.

Lần thứ 13: Ngày tiếp theo, B sử dụng sim số 0168.768.27XX gọi điện cho chị V, nói dối về việc cần thêm tiền mua hàng và yêu cầu V mang số tiền 34.000.000 đồng đến khu vực hồ Nam Phương. Chị V nói cho bà D biết thì cả hai tưởng thật nên bà D đồng ý đưa 34.000.000 đồng cho V mang đi giao cho Chu Quang B. Sau đó, B nhờ A (không rõ lai lịch) đón taxi đến khu vực đường Lý Thường Kiệt, phường Lộc Phát, Tp.Bảo Lộc lấy số tiền nêu trên từ chị V mang về cho B. B trả tiền taxi hết 100.000 đồng và trả công cho A số tiền 200.000 đồng.

Lần thứ 14: Sau đó khoảng 01 tuần, B sử dụng sim số 0168.768.27XX gọi điện cho chị V, nói dối về việc đang bị người khác giữ lại trong rừng vì thiếu tiền. B yêu cầu V đưa thêm số tiền 36.000.000 đồng và mang đến khu vực ngã tư đèn đỏ Lộc Phát để có người đến lấy. Chị V nói cho bà D biết thì cả hai tưởng

thật nên bà D đồng ý đưa 36.000.000 đồng cho V mang đi giao cho B. Sau đó Chu Quang B nhờ Đ1 chạy xe đến khu vực trước nhà số X đường N, phường L, Tp.Bảo Lộc lấy số tiền nêu trên từ chị V mang về cho B.

Lần thứ 15: Sau đó khoảng 02 ngày, B sử dụng sim số 0168.768.27XX gọi cho chị V, giả giọng chủ nợ, nói đang giữ M (tức là B) trong rừng vì thiếu nợ và yêu cầu chị V đưa số tiền 20.000.000 đồng. Tiếp đó, B lại chuyển về giọng B thường, nói chị V cho mượn 20.000.000 đồng và hẹn mang tiền đến khu vực ngã tư đèn đỏ Lộc Phát để người khác đến lấy. Chị V nói cho bà D biết thì cả hai tưởng thật nên bà D đồng ý đưa 20.000.000 đồng cho V mang đi giao cho B. Lúc này, Chu Quang B nhờ Đ1 chạy xe đến khu vực trước nhà số X đường N, phường L, Tp.Bảo Lộc lấy số tiền nêu trên từ chị V mang về cho B.

Lần thứ 16: Buổi chiều cùng ngày, B sử dụng sim số 0168.768.27XX gọi điện cho chị V yêu cầu đưa thêm số tiền 10.000.000 đồng để chuộc xe ô tô tải về. Chị V nói cho bà D biết thì cả hai tưởng thật, nhưng bà D hết tiền nên chỉ đưa cho V 8.200.000 đồng. Chị V gọi điện cho B thì B nói dối về việc đang bị người khác theo dõi và yêu cầu V gửi lại tiền cho người quen rồi B tới lấy sau. Chị V đến số nhà X đường Đ, phường L, Tp.Bảo Lộc, giao cho bà Đặng Thị D1, số tiền nêu trên và thông báo địa chỉ cho B biết. Sau đó, Chu Quang B lấy xe mô tô biển số 49K1-150.4XX chở Đ1 đến lấy số tiền nêu trên từ bà D1.

Những ngày tiếp theo, B tiếp tục gọi điện yêu cầu chị V và bà D đưa thêm tiền nhưng bà D không còn tiền nên B vứt sim số 0924.475.4XX và xóa toàn bộ dữ liệu trên điện thoại liên quan đến chị V và bà D. Do không liên lạc được với B nên bà D và chị V đến trại giam Đại Bình gặp anh Bùi Phương Đ thì được biết mình bị lừa nên đến Công an Tp.Bảo Lộc trình báo sự việc.

Số tiền có được, B trả nợ, trả tiền taxi, tiêu xài cá nhân và chơi game bắn cá thua hết nên Cơ quan điều tra không thu hồi được tài sản

Về vật chứng: Cơ quan điều tra thu giữ được từ Chu Quang B 01 ĐTDĐ nhãn hiệu Samsung, màu xám đen, gắn sim số 0168.768.27XX và 01 ĐTDĐ nhãn hiệu Nokia, model RM-1134, không gắn sim.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Vũ Thị Xuân D yêu cầu được bồi thường số tiền 394.200.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 109/CT-VKS ngày 28 tháng 11 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc đã truy tố Chu Quang B về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Chu Quang B thừa nhận toàn bộ nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố là đúng, bị cáo không thắc mắc hay khiếu nại gì nội dung của bản cáo trạng.

Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên nội dung bản Cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo và đề nghị áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174, điểm s khoản 1

Điều 51, điểm b, h khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo từ 10 đến 11 năm tù.

Về vật chứng: Tịch thu sung quỹ 01 ĐTDĐ nhãn hiệu Samsung, màu xám đen, gắn sim số 0168.768.27XX và 01 ĐTDĐ nhãn hiệu Nokia, model RM-1134, không gắn sim.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận với viện kiểm sát.

Bị hại bà Vũ Thị Xuân D và bà Bùi Thị Tường V khẳng định toàn bộ số tiền 394.200.000đ là của bà D và yêu cầu bị cáo bồi thường cho bà Vũ Thị Xuân D số tiền 394.200.000đ.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thấy hành vi của mình là sai, vi phạm pháp luật, xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN XÉT CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan điều tra Công an thành phố Bảo Lộc; của Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo qui định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Tại phiên tòa bị cáo trình bày bị tạm giam từ ngày 18/6/2018, sau đó bị cáo xác định do nhầm lẫn trong việc công an triệu tập lấy lời khai, làm việc, xác định hiện trường từ ngày 18/6/2018, bị cáo xác định ngày bắt tạm giam là lúc 19 giờ ngày 30/6/2018 cho đến nay. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến thắc mắc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Hội đồng xét xử thấy rằng, các hành vi quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng qui định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án: Chu Quang B vừa chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương nhưng lười lao động lại muốn có tiền tiêu xài cá nhân và chơi game bắn cá, bị cáo B đã tìm cách gặp bà D là mẹ của Đ (Đ trước là bạn của bị cáo, có lần ở cùng nhà tạm giữ và trại giam), tại nhà bà D bị cáo gặp chị V là con gái bà D, sau khi gặp bà D và chị V, bằng thủ đoạn gian dối, bị cáo B đưa ra các thông tin sai sự thật làm cho bà D và chị V tin tưởng, trong thời gian tháng 4 và tháng 5 năm 2018, bị cáo B đã 16 lần dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tiền của bà D với tổng số tiền là 394.200.000đ, sau khi chiếm đoạt số tiền trên bị cáo dùng để trả nợ, tiêu xài và chơi game bắn cá hết nên cơ quan điều tra không thu hồi được. Đối chiếu lời khai của bị cáo, bị hại và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ có đủ căn cứ khẳng định hành vi của bị cáo B đã phạm vào điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

[3] Xét tính chất của hành vi phạm tội do bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện thái độ của bị cáo coi thường kỷ cương pháp luật, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác; gây mất trật tự trị an xã hội

ở địa phương nói riêng và trật tự xã hội nói chung và gây mất lòng tin trong quần chúng nhân dân.

Bị cáo B thực hiện hành vi phạm tội liên tục 16 lần, lấy tài sản chiếm đoạt được là nguồn sống chính và đã có ba tiền án, chưa được xóa án tích lại phạm tội nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tại điểm b, h Điều 52 Bộ luật hình sự; vì vậy cần phải lên bị cáo một hình phạt thật nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian dài mới có tác dụng giáo dục. Tuy nhiên cũng thấy rằng, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo nên áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ cho bị cáo một phần.

[4] Đối với Đ1 là người đã có hành vi cho Chu Quang B mượn xe mô tô biển số 49K1-1504XX để B đi lấy tiền từ chị V, cũng như đã 02 lần đi lấy tiền giùm B và 01 lần cùng B đi lấy tiền từ chị V. Tuy nhiên Đ1 không biết về hành vi lừa đảo chiếm đoạt của B nên không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Đ1.

Đối với Nguyễn Minh Tr là người được Chu Quang B trả nợ số tiền 42.000.000 đồng. Tuy nhiên tại thời điểm nhận tiền nêu trên, Tr không biết tài sản do B phạm tội mà có nên không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Tr.

Đối với đối tượng tên S và A là những người đã đi lấy tiền từ chị V giùm B. Tuy nhiên hiện nay không xác định được nhân thân lai lịch của S và A nên Cơ quan điều tra đã tách ra để giải quyết sau.

[5] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tạm giữ: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, màu xám đen, gắn sim số 0168.768.27XX và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, model RM-1134, không gắn sim, xét đây là điện thoại bị cáo dùng để thực hiện hành vi phạm nên cần tịch thu.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bà D và chị V đều xác định toàn bộ số tiền 394.200.000đ mà bà D và chị V đưa cho bị cáo B là tiền của bà D. Bà D và chị V đều yêu cầu bị cáo trả cho bà D số tiền 394.200.000đ nên cần buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho bà D số tiền trên.

[7] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Chu Quang B phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm g, h Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015, xử phạt bị cáo **Chu Quang B 12 (Mười hai)** năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 30/6/2018

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự 2015 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu xám đen, số Imei 358861/08/173617/8, gắn sim số 0168.768.27XX và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia vỏ nhựa màu đen, số IMei: 3536810855928XX, model RM-1134, không gắn sim (Theo biên bản giao nhận ngày 24/12/2018 giữa Công an thành phố Bảo Lộc với Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bảo Lộc).

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584, 589 Bộ luật dân sự 2015: Buộc bị cáo Chu Quang B bồi thường cho bà Vũ Thị Xuân D số tiền 394.200.000đ (*Ba trăm chín mươi tư triệu hai trăm ngàn đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án không trả số tiền nêu trên, còn phải trả số tiền lãi, tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 qui định về án phí, lệ phí tòa án, buộc bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 19.710.000đ (Mười chín triệu bảy trăm mười ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKS tỉnh Lâm Đồng;
- VKS nhân dân thành phố Bảo Lộc;
- Người tham gia tố tụng;
- Chi cục T.H.A;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Qui.